Ký bởi: Sở Tư pháp
Email: tuphap@tuyenquang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Tuyên Quang
Ngày ký: 08.06.2020 14:31:25 +07:00

UBND TỈNH TUYÊN QUANG **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-SGDĐT	*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2020*

DỰ THẢO

BÁO CÁO
Đánh giá tác động chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ nhà trẻ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Căn cứ pháp lý đề xuất xây dựng chính sách

Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025";

Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 về việc ban hành Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam";

Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án Đảm bảo dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018-2025";

Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018-2015;

Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015;

Quyết định số 60/2011/QĐ-BGDĐT ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển GDMN giai đoạn 2011-2015;

Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non;

Nghị quyết số 73-NQ/TU ngày 10/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang (Khóa XVI) về huy động trẻ đi nhà trẻ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 29/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Đề án "Chăm sóc vì sự phát triển toàn diện của trẻ em trong những năm đầu

đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018-2025" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Thực trạng

Luật Giáo dục năm 2019 quy định rõ vai trò của cấp học mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam, thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi.

Trong những năm qua, cấp học mầm non của tỉnh Tuyên Quang đã nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương. Hệ thống trường, lớp mầm non được phát triển đến 100% xã, phường, thị trấn và cơ bản đáp ứng yêu cầu gửi trẻ của nhân dân trên địa bàn tỉnh. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi được duy trì, giữ vững và từng bước nâng cao chất lượng; tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi) luôn duy trì ở mức cao, trên 99%, cao hơn bình quân trong khu vực và cả nước; chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từng bước được nâng cao đặc biệt từ khi trẻ mẫu giáo được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018.

Giáo dục nhà trẻ được đặc biệt quan tâm và tạo điều kiện phát triển. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 73-NQ/TU ngày 10/12/2018 về huy động trẻ đi nhà trẻ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 phê duyệt Đề án huy động trẻ đi nhà trẻ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; giáo dục mầm non ngoài công lập được khuyến khích phát triển; Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 quy định một số chính sách khuyến khích phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ tăng lên đáng kể và đạt 33,6% đến hết năm 2019, cao hơn bình quân của khu vực và cả nước.

Tuy nhiên, tỷ lệ trẻ nhà trẻ được ăn trưa tại trường còn thấp; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng của trẻ nhà trẻ còn ở mức cao, đặc biệt là ở các vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn[1]; toàn tỉnh còn 13,5% tổng số trẻ nhà trẻ chưa được tổ chức ăn trưa tại trường[2]. Tỷ lệ trẻ nhà trẻ ở khu vực các xã đặc biệt khó khăn được uống sữa tại trường còn thấp; chất lượng bữa ăn dinh dưỡng còn rất hạn chế nên ảnh hưởng lớn đến chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

Tỷ lệ trẻ nhà trẻ bị suy dinh dưỡng cao hơn so với trẻ mẫu giáo. Đến hết năm 2019, tỷ lệ trẻ nhà trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân chiếm 4,7%, thể thấp còi chiếm 5,4% tổng số trẻ huy động; trẻ mẫu giáo suy dinh dưỡng thể nhẹ cân chiếm 3,9%, thể thấp còi chiếm 5,1% tổng số trẻ huy động. Tuy nhiên, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn tương đối cao, đặc biệt ở các khu vực có điều kiện kinh tế-xã hội

---

[1] Năm 2019, huyện Lâm Bình có 12,2% trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân; 15,8% trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi; huyện Hàm Yên có 6,0% trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân; 7,2% trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi; huyện Na Hang: 6,0% trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân; 9,1% trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi.

[2] Huyện Yên Sơn: 21,8%; Hàm Yên: 21,3%; Chiêm Hóa: 18,2%; Lâm Bình: 17,4%.

khó khăn và đặc biệt khó khăn. Theo báo cáo của Sở Y tế, đến hết năm 2019, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân của trẻ em trên địa bàn tỉnh chiếm 13,5%, thể thấp còi chiếm 24%. Điều này cho thấy rõ sự chênh lệch về tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giữa hai nhóm đối tượng, nhóm được huy động đến trường và nhóm chưa ra lớp.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế này là do trẻ nhà trẻ không được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa như đối với trẻ mẫu giáo theo quy định của Chính phủ dành cho trẻ ở các khu vực đặc biệt khó khăn, trẻ thuộc gia đình hộ nghèo và cận nghèo, trẻ không có nguồn nuôi dưỡng.

Việc ban hành chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ nhà trẻ phù hợp với nguyện vọng và kiến nghị của cử tri trong tỉnh qua các kỳ tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh.

Tuyên Quang là tỉnh miền núi với trên 60% trẻ mầm non là người dân tộc thiểu số, một bộ phận nhân dân có mức thu nhập thấp. Do đó, việc xây dựng chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ là phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương, góp phần quan trọng trong việc nâng cao tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc dinh dưỡng và giáo dục trẻ.

Do đó, để tăng và giữ vững tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ trong những năm tới trên địa bàn tỉnh, đồng thời nâng cao chất lượng chăm sóc dinh dưỡng và sự phát triển toàn diện của trẻ nhà trẻ (độ tuổi vàng để phát triển thể lực và trí tuệ của trẻ), góp phần nâng cao thể lực và tầm vóc của người dân Việt Nam, Sở GDĐT đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ nhà trẻ.

Việc ban hành chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ nhà trẻ là giải pháp thiết thực và quan trọng trong việc thực hiện các Đề án liên quan đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

Hiện nay, một số tỉnh đã có chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ nhà trẻ ở các khu vực đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo (Quảng Ninh); một số tỉnh hiện đang xin ý kiến UBND để xây dựng chính sách này.

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

Việc xây dựng chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ nhà trẻ góp phần đảm bảo công bằng trong việc tiếp cận giáo dục giữa trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo, giữa trẻ ở vùng thuận lợi và khó khăn; góp phần tăng tỷ lệ huy động trẻ đi nhà trẻ để đảm bảo việc thực hiện mục tiêu đã đề ra; giảm gánh nặng tài chính đối với cha mẹ trẻ có nguồn thu nhập thấp, không ổn định; nâng cao chất lượng chăm sóc dinh dưỡng, chăm sóc y tế và sự phát triển toàn diện của trẻ nhà trẻ, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, đặc biệt đối với trẻ ở các khu vực có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ thuộc gia đình hộ nghèo và cận nghèo, trẻ không có nguồn nuôi dưỡng.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo

Từ năm 2010 đến nay, Chính phủ đã ban hành chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo có cha mẹ trẻ ở các khu vực có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình hộ nghèo và cận nghèo, trẻ không có nguồn nuôi dưỡng tại các văn bản: Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010; Quyết định số 60/2011/QĐ-BGDĐT ngày 26/10/2011; Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018.

Hiện nay, theo quy định của Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018, trẻ em đang học tại các lớp mẫu giáo thuộc các đối tượng được hưởng chính sách được hỗ trợ tiền ăn trưa bằng 10% mức lương cơ sở/trẻ/tháng, tối đa 9 tháng/năm học.

Việc ban hành chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo của Chính phủ đã có tác động tích cực trong việc tăng và duy trì tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo trên địa bàn tỉnh, duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi; góp phần giảm bớt khó khăn cho cha mẹ trẻ ở các khu vực có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình hộ nghèo và cận nghèo; nâng cao chất lượng chăm sóc dinh dưỡng và giáo dục trẻ, tỷ lệ trẻ mẫu giáo suy dinh dưỡng hằng năm giảm.

Năm 2019, toàn tỉnh có khoảng 22.000 trẻ mẫu giáo được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa của Chính phủ, chiếm tỷ lệ khoảng 45% tổng số trẻ huy động. Tổng kinh phí chi cho chính sách này năm 2019 là 28,8 tỷ đồng từ nguồn ngân sách trung ương cấp. *(Có biểu chi tiết kèm theo)*

2. Đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ nhà trẻ

2.1. Số liệu trẻ nhà trẻ thuộc diện hỗ trợ

Theo số liệu thống kê tại thời điểm tháng 01/2020, toàn tỉnh huy động được 11.483/36.783 trẻ nhà trẻ, đạt tỷ lệ huy động 31,3%.

Tổng số trẻ nhà trẻ thuộc diện hỗ trợ: 4452/11483 trẻ, chiếm 38,8% tổng số trẻ huy động. Trong đó:

- Trẻ có cha mẹ hoặc có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở xã, thôn đặc biệt khó khăn: 3664 trẻ, chiếm 31,9% tổng số trẻ huy động.

- Trẻ không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội: 03 trẻ, chiếm 0,03% tổng số trẻ huy động.

- Trẻ là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: 785 trẻ, chiếm 6,8% tổng số trẻ huy động.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

2.2. Dự kiến điều kiện trẻ nhà trẻ được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa

Trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh và đang học tại nhóm trẻ nhà trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm một trong những điều kiện sau:

a) Có cha mẹ hoặc có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

b) Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

c) Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2.3. Dự kiến nguồn kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn ngân sách của địa phương do tỉnh tự cân đối từ nguồn chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo, các sự nghiệp khác và các nguồn thu của tỉnh.

2.4. Dự kiến các phương án hỗ trợ ăn trưa cho trẻ nhà trẻ

a) Phương án 1

- Trẻ em thuộc các đối tượng được hưởng hỗ trợ ăn trưa được hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000 đồng (*một trăm sáu mươi nghìn đồng*)/trẻ/tháng.

- Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

- Kinh phí hỗ trợ bình quân 1 năm dao động từ 7,3 đến 8,1 tỷ đồng.

b) Phương án 2

- Trẻ em thuộc các đối tượng được hưởng hỗ trợ ăn trưa được hỗ trợ tiền ăn trưa là 120.000 đồng (*một trăm hai mươi nghìn đồng*)/trẻ/tháng.

- Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

- Kinh phí hỗ trợ bình quân 1 năm dao động từ 5,9 đến 6,5 tỷ đồng.

c) Phương án 3

- Trẻ em thuộc các đối tượng được hưởng hỗ trợ ăn trưa được hỗ trợ tiền ăn trưa là 80.000 đồng (*tám mươi nghìn đồng*)/trẻ/tháng.

- Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

- Kinh phí hỗ trợ bình quân 1 năm dao động từ 3,7 đến 4,1 tỷ đồng.

2.5. Phân tích ưu điểm, hạn chế các phương án hỗ trợ

Qua khảo sát, ở các trường thuộc vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, mức đóng tiền ăn cho trẻ nhà trẻ hằng ngày dao động từ 240.000đ đến 280.000đ/trẻ/tháng (tương ứng từ 11.000 đến 13.000đ/trẻ/ngày); tiền thuê người nấu ăn từ 40.000đ đến 50.000đ/trẻ/tháng; tiền học phí ở các xã khu vực III miền

núi là 35.000đ/trẻ/tháng (Theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND ngày 12/7/2016 của HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 2). Trung bình, mỗi trẻ phải nộp khoảng 340.000đ/tháng.

Mức chi phí tiền ăn như hiện nay là rất thấp, không đảm bảo dinh dưỡng và năng lượng cho trẻ theo quy định của Chương trình GDMN. Theo quy định, chế độ ăn hằng ngày của trẻ nhà trẻ gồm tối thiểu 2 bữa chính và 1 bữa phụ. Do đó, với định mức tiền ăn như hiện nay, việc xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi ở các trường còn khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu về dinh dưỡng và năng lượng của trẻ; hầu hết các trường chỉ đáp ứng được 1 bữa ăn chính và 1 bữa phụ. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng suy dinh dưỡng ở cả hai thể (nhẹ cân và thấp còi) đối với trẻ nhà trẻ.

a) Phương án 1 (Hỗ trợ 160.000đ/trẻ/tháng)

- Ưu điểm: Với mức đóng tiền ăn cho trẻ hiện nay của cha mẹ trẻ thì mức hỗ trợ này cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu dinh dưỡng tối thiểu cho trẻ; đảm bảo công bằng về mức hỗ trợ giữa trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo. Mức hỗ trợ này có tác động rất tích cực đến cha mẹ có trẻ được hưởng chính sách trong việc đưa con đến trường, đồng thời nâng cao tỷ lệ trẻ được ăn trưa tại trường; hỗ trợ tương đương 50% chi phí tiền ăn của cha mẹ hiện nay; đảm bảo mục tiêu huy động trẻ và giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng.

- Hạn chế: Không.

b) Phương án 2 (Hỗ trợ 120.000đ/trẻ/tháng)

- Ưu điểm: Với mức đóng tiền ăn cho trẻ hiện nay của cha mẹ trẻ thì mức hỗ trợ này góp phần tăng cường dinh dưỡng cho trẻ; có tác động tích cực đến cha mẹ có trẻ được hưởng chính sách trong việc đưa trẻ đến trường và hỗ trợ một phần chi phí cho cha mẹ trẻ, góp phần tăng tỷ lệ trẻ nhà trẻ được ăn trưa tại trường; hỗ trợ tương đương khoảng 35% chi phí tiền ăn của cha mẹ hiện nay; tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ có thể duy trì và đảm bảo mục tiêu đã đề ra.

- Hạn chế: Phương án này không đảm bảo công bằng về mức hỗ trợ giữa trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo; chưa đảm bảo đủ nhu cầu dinh dưỡng và năng lượng tối thiểu cho trẻ.

c) Phương án 3 (Hỗ trợ 80.000đ/trẻ/tháng)

- Ưu điểm: Mức hỗ trợ này góp phần tăng cường dinh dưỡng cho trẻ, hỗ trợ một phần chi phí cho cha mẹ có trẻ được hưởng chính sách, góp phần tăng tỷ lệ trẻ nhà trẻ được ăn trưa tại trường; hỗ trợ tương đương 25% chi phí tiền ăn của cha mẹ hiện nay.

- Hạn chế: Mức hỗ trợ này ít có tác động đến việc nâng cao chất lượng dinh dưỡng và năng lượng cho trẻ được hưởng chính sách, ít có tác động đến việc tăng tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ; không đảm bảo công bằng về mức hỗ trợ giữa trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo.

2.6. Đề xuất phương án hỗ trợ

Căn cứ khả năng đáp ứng của ngân sách địa phương, mục tiêu và tính khả thi của chính sách, Sở GDĐT đề xuất lựa chọn Phương án 1.

3. Tác động của chính sách đối với tỷ lệ huy động và chất lượng chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ nhà trẻ

Với chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ nhà trẻ, dự kiến tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ sẽ tăng và đạt 50% đến năm 2025.

Chất lượng chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhà trẻ được nâng lên và tỷ lệ trẻ nhà trẻ suy dinh dưỡng hằng năm giảm từ 0,2 đến 0,3%.

4. Tác động về thủ tục hành chính của chính sách

Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ nhà trẻ được HĐND tỉnh ban hành kèm theo 1 bộ thủ tục hành chính để thực hiện chính sách để đảm bảo việc thực hiện chính sách đúng quy định. Việc thực hiện các trình tự, thủ tục được quy định minh bạch, khả thi và tương ứng với quy định đối với chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo tại Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Thủ tục này không phát sinh bất kỳ khoản chi phí nào đối với đối tượng thụ hưởng và cơ quan thực hiện chính sách.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ nhà trẻ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (báo cáo);
- VP UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Lưu: VT, GDMN (Dũng)

GIÁM ĐỐC

Vũ Đình Hưng